

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 565 /SVHTT-QLVH

Kiên Giang, ngày 20 tháng 5 năm 2022

V/v đăng tải dự thảo Nghị quyết
của HĐND tỉnh về việc đặt tên đường
và công trình công cộng trên địa bàn
thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp.

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Công văn số 863/UBND-NCPC ngày 07/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 19/05/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký danh mục các nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2022.

Để đảm bảo quy trình, thủ tục đúng theo quy định; Sở Văn hóa và Thể thao đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến (có gửi kèm dự thảo Nghị quyết).

Trân trọng đề nghị!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở VHTT;
- Lưu: VT, QLVH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sáu

Số: /2022/NQ-HĐND
(DỰ THẢO)

Kiên Giang, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc đặt tên đường và công trình công cộng
trên địa bàn thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày.....tháng.....năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết về việc đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày.....tháng...năm 2022 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp (có danh sách tên đường và công trình công cộng cụ thể kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa X, Kỳ họp thông qua ngày.... tháng.... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày....tháng.....năm 2022/. *fan*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Website Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương;
- Trung tâm Tin học – Công báo tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Lãnh đạo VP, các phòng, CVNC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

DANH SÁCH
TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN TÂN HIỆP, HUYỆN TÂN HIỆP
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày/...../2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

I. TÊN ĐƯỜNG: 39

TT	TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	CHIỀU DÀI ĐƯỜNG (m)	CHIỀU RỘNG			GIỚI HẠN ĐƯỜNG	
			MẶT ĐƯỜNG (m)	VỈA HÈ (m)	LỘ GIỚI (m)	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI
01	An Dương Vương	4.546	4		9	Từ giáp đường Kim Đồng	Đến giáp đường kênh Đòn Đông Đông Bình
02	Âu Cơ	1.000	7		8,75	Từ giáp đường Hùng Vương	Đến giáp đường Hồ Thị Tư
03	Hùng Vương	4.864	5,5		9,75	Từ giáp đường Bùi Thị Xuân	Đến giáp đường Chu Văn An
04	Lạc Long Quân	800	9		8,75	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường Âu Cơ
05	Bùi Thị Xuân	3.500	5		9	Từ giáp đường Phan Thị Ràng	Đến giáp đường Ngô Quyền
06	Chu Văn An	250	6	3		Từ giáp đường Lê Thị Bảy	Đến giáp Đường Nguyễn Thị Đơn

07	Lâm Quang Ky	1.000	8	3		Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường Nguyễn Thái Học
08	Lê Lợi	4.710	4	2,5		Từ giáp đường 30/4	Đến giáp đường Hùng Vương
09	Ngô Quyền	650	6	3		Từ giáp đường Bùi Thị Xuân	Đến giáp với đường 1 tháng 5
10	Nguyễn Du	600	4		6	Từ giáp đường Lạc Long Quân	Đến giáp sông Đông Binh
11	Nguyễn Huệ	700	8	4		Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường 1 tháng 5
12	Nguyễn Thái Học	3.826	4		9	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp kênh Đồn Đông Rivera
13	Nguyễn Trung Trực	800	5		9	Từ giáp đất Quốc lộ 80	Đến giáp Đình thần Nguyễn Trung Trực
14	Phan Bội Châu	367	4		6	Từ giáp đường Lạc Long Quân	Đến giáp sông kênh Đông Binh
15	Thoại Ngọc Hầu	3.000	4	2,5		Từ giáp đường Phan Thị Ràng	Đến giáp sông kênh Đông Binh
16	Trần Hữu Độ	1.893	4		9	Từ giáp đường 30 tháng 4	Đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh

17	Trương Định	350	6	3		Từ giáp đường Nguyễn Huệ	Đến giáp đường Ngô Quyền
18	Kim Đồng	3.010	3,5		9	Từ giáp đường An Dương Vương	Đến giáp đường Nguyễn Thái Học
19	Lương Định Cửa	1.200	4		9	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp cao tốc Lộ tế - Rạch Sỏi
20	Nguyễn Chí Thanh	4.245	4		9	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường Lê Lợi
21	Phạm Ngọc Thạch	3.700	4		9	Từ giáp Nhà thờ Ngọc Thạch	Đến giáp kênh Đồn Đông Rivera
22	Võ Thị Sáu	400	8	3		Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường Lê Thị Hoa
23	Cao Văn Lầu	140	6		6	Từ giáp đường Thoại Ngọc Hầu	Đến giáp đường Phan Bội Châu
24	Trương Vĩnh Ký	237	8		8,75	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường Thoại Ngọc Hầu
25	Mạc Cửu	149	6	3		Từ giáp đường Bùi Thị Xuân	Đến giáp đường Bạch Đằng
26	Bạch Đằng	3.010	4		9	Từ giáp đường kênh Đông Bình	Đến giáp đường Nguyễn Thái Học

27	Đồng Đa	350	6	3		Từ giáp đường Nguyễn Huệ	Đến giáp với đường Ngô Quyền
28	30 tháng 4	4.349	4		9	Từ giáp quốc lộ 80	Đến giáp đường Lê Lợi
29	01 tháng 5	350	6	3		Từ giáp đường Võ Thị Liễu	Đến giáp đường Ngô Quyền
30	Phan Thị Ràng	4.245	4		9	Từ giáp Quốc lộ 80	Đến giáp đường Lê Lợi
31	Bùi Thị Ba	2.045	3		9	Từ giáp đường Bùi Thị Xuân	Đến giáp đường cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi
32	Đỗ Thị Nhân	350	6	3		Từ giáp đường Kim Đồng	Đến giáp với đường 1 tháng 5
33	Hồ Thị Liên	350	6	3		Từ giáp đường Kim Đồng	Đến giáp đường 1 tháng 5
34	Lê Thị Bảy	200	6	3		Từ giáp đường Phan Bội Châu	Đến giáp đường Lê Thị Hoa
35	Lê Thị Hai	200	8	3		Từ giáp đường Lê Thị Bảy	Đến giáp đường Nguyễn Thị Đơn
36	Lê Thị Hoa	350	8	3		Từ giáp đường Lê Thị Bảy	Đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh
37	Nguyễn Thị Đơn	200	6	3		Từ giáp đường Phan Bội Châu	Đến giáp đường Lê Thị Hoa

38	Hồ Thị Tư	1.000	4		9	Từ giáp đường Bùi Thị Xuân	Đến gần giáp đường Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Giá
39	Võ Thị Liễu	350	6	3		Từ giáp đường Kim Đồng	Đến giáp với đường 1 tháng 5

II. CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG: 01

TT	TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	DIỆN TÍCH (m ²)	VỊ TRÍ	GIỚI HẠN CÔNG TRÌNH
1	Công viên Nguyễn Trung Trực	1.200m ²	Khu phố A và Khu phố B	- Điểm đầu giáp Quốc lộ 80; - Điểm cuối giáp đường Phan Bội Châu.